

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 72/2023/HS-ST

Ngày 11/7/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hương
2. Ông Trần Quang Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 N 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2023/TLST-HS, ngày 05 tháng 6 N 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 N 2023 đối với các bị cáo:

1) **Đoàn Quang L**; tên gọi khác: không; sinh ngày 04/3/1987, tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Tr, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; con ông Đoàn Quang N, sinh N 1956 và con bà Nguyễn Thị Th, sinh N 1959, cùng cư trú tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; có vợ: Trần Thị M, sinh N 1990; có 2 con, cùng sinh N 2015;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Quá trình sinh sống chưa bị xử lý vi phạm pháp luật.

Bị tạm giữ từ ngày 17/3/2023 đến ngày 22/3/2023 được hủy bỏ tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2) **Nguyễn Văn N**; tên gọi khác: không; sinh ngày 24/5/1974, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Quốc

tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; con ông Nguyễn Văn R, đã chết và con bà Nguyễn Thị Y, sinh N 1940, cư trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; có vợ Đỗ Thị T, sinh N 1981; có 2 con, sinh N 2001 và 2006;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tháng 02/1993 nhập ngũ đến tháng 01/1996 xuất ngũ; quá trình sinh sống chưa bị xử lý vi phạm pháp luật.

Bị tạm giữ từ ngày 17/3/2023 đến ngày 20/3/2023, được hủy bỏ tạm giữ; ngày 22/3/2023 bị khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3) Vũ Văn D; tên gọi khác: không; sinh ngày 22/12/1965, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 2/10; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; con ông Vũ Văn H và con bà Nguyễn Thị B, đều đã chết (ông H được Nhà nước tặng thưởng H chương kháng chiến hạng Ba); có vợ Nguyễn Thị T, sinh N 1958; có 3 con, lớn nhất sinh N 1987, nhỏ nhất sinh N 1993;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 10/3/1983, bị Công an huyện Quỳnh Phụ khởi tố, điều tra về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” (bị cáo khai không bị xử lý; xác minh không có hồ sơ, tài liệu lưu trữ); Quyết định số 3521/QĐ-XPHC, ngày 22/01/2016, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong ngày 25/11/2016; Quyết định số 85/QĐ-XPHC, ngày 10/3/2021, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong ngày 11/3/2021.

Bị tạm giữ từ ngày 17/3/2023 đến ngày 22/3/2023, được hủy bỏ tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4) Ngô Duy S; tên gọi khác: không; sinh ngày 04/10/1966, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/10; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; con ông Ngô Duy Ch và mẹ đẻ Trần Thị Nh, đều đã chết; có vợ Nguyễn Thị L, đã chết; có 3 con, lớn nhất sinh N 1988, nhỏ nhất sinh N 1993;

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Quá trình sinh sống chưa bị xử lý vi phạm pháp luật.

Bị tạm giữ từ ngày 17/3/2023 đến ngày 20/3/2023, được hủy bỏ tạm giữ; ngày 22/3/2023, bị khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5) **Nguyễn Văn H**; tên gọi khác: không; sinh ngày 22/10/1962, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 4/10; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; con ông Nguyễn Văn R và mẹ đẻ Nguyễn Thị B, đều đã chết (N 1985, ông R được Nhà nước tặng thưởng H chương kháng chiến hạng Nhì); có vợ: Lưu Thị Tr, sinh N 1963; có 3 con, lớn nhất sinh N 1984, nhỏ nhất sinh N 1988;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tháng 02/1980 nhập ngũ đến tháng 01/1982 xuất ngũ; quá trình sinh sống chưa bị xử lý vi phạm pháp luật.

Bị tạm giữ từ ngày 17/3/2023 đến ngày 20/3/2023, được hủy bỏ tạm giữ; ngày 22/3/2023, bị khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo L, N, D, S, H đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 15 phút, ngày 17/3/2023, tại nhà của Nguyễn Văn H, ở thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn H có hành vi sử dụng nhà thuộc quyền sở hữu làm địa điểm cho Đoàn Quang L, Vũ Văn D, Nguyễn Văn N và Ngô Duy S thực hiện hành vi đánh bạc, được thua bằng tiền, hình thức đánh “liêng”. Thu giữ trên chiếu bạc 6.200.000 đồng; 01 bộ tú lơ khơ 52 lá bài; quản lý trên người Nguyễn Văn H 80.000 đồng; Vũ Văn D 500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Đoàn Quang L là nhân viên tiếp thị thức ăn gia súc của Công ty Việt Nhật, địa chỉ khu công nghiệp Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 17/3/2023, L tới nhà H để tiếp thị cám. Đến 08 giờ cùng ngày, D, N, S vào nhà H ngồi uống nước với L và H. Lúc này, L nhìn thấy bộ tú lơ khơ dưới ngăn bàn nước đã cầm lên và rủ “Anh em mình làm tý liêng ăn tiền!”. D, N và S đồng ý cùng L xuống ngồi quây tròn dưới nền nhà theo chiều quay kim đồng hồ thứ tự từ cửa vào đầu tiên là N, tiếp đến là L, D và S. Cả 4 thống nhất mức góp gà cố định là 20.000 đồng/ván, tổ cao nhất không quá 60.000 đồng, ai được sếp thì cho H 40.000 đồng. H không biết đánh bạc nên ngồi trên ghế nghe vậy thì đồng ý. L là người chia ván bạc đầu tiên. Hình thức và mức sát phạt mỗi ván bạc như sau: Khi bắt đầu chơi mỗi người tham gia đánh bạc phải đặt tiền góp gà 20.000 đồng. Mỗi người được chia 3 lá bài, số bài còn lại không sử dụng úp xuống nền nhà. Người chơi nhận bài của mình tương

ứng tại vị trí ngồi và bắt đầu tổ. Người chia bài được tổ đầu tiên, sau đó lần lượt đến người khác theo ngược chiều kim đồng hồ. Người tổ sau có thể tổ bằng hoặc cao hơn người tổ trước, nhưng không quá 60.000 đồng, tùy theo chiến thuật và tính toán của mình. Nếu thấy bài của mình không thắng được thì người chơi có thể xin thua và bị mất số tiền góp gà và tổ trước đó. Người nào tổ cao nhất đến cuối cùng là người thắng và được nhận toàn bộ số tiền góp gà và tổ của cả ván bạc, đồng thời là người chia bài và tổ đầu tiên ở ván bạc tiếp theo. Trường hợp có nhiều người cùng tổ số tiền bằng nhau thì phải tính điểm. Ai có điểm bài cao nhất là người thắng. Quy ước “sáp” gồm 3 lá bài có cùng điểm (ví dụ: 222, 333, QQQ...) là lớn nhất; tiếp theo đến “liêng” gồm 3 lá bài có điểm liên tiếp nhau (ví dụ 567, 789, JQK...); sáp lớn thắng sáp nhỏ, liêng lớn thắng liêng nhỏ. Sáp AAA là lớn nhất; sáp 222 là nhỏ nhất; liêng QKA là lớn nhất; liêng A23 là nhỏ nhất. Nếu không có sáp, liêng thì người chơi cùng tính điểm bài với nhau. Được 9 điểm là lớn nhất và 0 điểm (hoặc tổng điểm là bội số của 10) là nhỏ nhất. Mỗi lá bài từ A, 2, 3,... đến 9 tính tương ứng là 1, 2, 3,... đến 9 điểm; các lá bài 10, J, Q, K tính là 0 điểm. Trường hợp có 2 người trở lên có cùng số điểm cao nhất thì tiếp tục so chất bài với nhau theo quy ước từ lớn đến nhỏ là rô - cơ - nhép - bích. Lá bài A là lớn nhất, giảm dần đến lá bài 2 là nhỏ nhất. Quá trình đánh bạc, L và D được một lần sáp nên mỗi người đã bỏ ra 40.000 đồng cho H. Các bị cáo đánh bạc đến 14 giờ 15 phút cùng ngày, thì bị tổ công tác của Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên.

Số tiền sử dụng đánh bạc như sau: Đoàn Quang L có số tiền đánh bạc khoảng 4.100.000 đồng, khi bắt không có tiền trên người; Nguyễn Văn N khai số tiền đánh bạc khoảng 1.200.000 đồng, khi bắt không có tiền trên người; Vũ Văn D khai số tiền đánh bạc khoảng 700.000 đồng, khi bắt bị quản lý trên người 500.000 đồng; Ngô Duy S khai số tiền đánh bạc khoảng 700.000 đồng, khi bắt không có tiền trên người. Nguyễn Văn H khai không đánh bạc, nhưng do nể nang và muốn thu lợi bất chính đã đồng ý để các bị cáo đánh bạc tại nhà thuộc quyền sở hữu của mình; được L, D cho số tiền 80.000 đồng, đã bị quản lý khi bị bắt. Các bị cáo không xác định được chính xác số tiền đánh bạc, thắng thua vì tiền để dưới nền nhà, số tiền thu tại nền nhà và trên người là tiền dùng đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là **6.780.000 đồng**. Thời điểm các bị cáo đánh bạc, vợ và các con của bị cáo H không có mặt ở nhà; không có người canh coi, canh giới, cầm cố tài sản; ngừng chơi ra về trước đó hoặc bỏ trốn khi tổ công tác của Công an huyện phát hiện.

Cáo trạng số 68/CT-VKSQP ngày 05/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội “*Đánh bạc*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Quang L từ 11 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 22 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn D từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ đi 05 ngày tạm giữ;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 36; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo S từ 01 N 06 tháng đến 01 N 09 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 36; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo H từ 01 N 09 tháng đến 02 N cải tạo không giam giữ, trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo S, H cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình theo dõi, quản lý, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo S, H.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng; án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật

- Các bị cáo không tranh luận với ông Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo phù hợp, chứng minh hành vi phạm tội, vai trò của nhau và phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 14 giờ 20 phút, ngày 17/3/2023, tại nhà ở của Nguyễn Văn H, thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (bút lục số 1 - 3); các biên tạm giữ, niêm phong đồ vật, tài liệu (bút lục số 10 - 13); các sơ đồ vị trí chỗ ngồi do các bị cáo tự mô tả (bút lục số 127 - 131); Biên bản làm việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện lập hồi 08 giờ ngày 15/5/2023, xác định mảnh đất và ngôi nhà trên thửa đất số 25, diện tích 491,9 m² tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Nguyễn Văn H (bút lục số 125 - 126);

Bản kết luận giám định số 666/KL-KTHS, ngày 16/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “*Ba mươi lăm tờ tiền cần giám định là tiền thật*” (bút lục số 116 - 117).

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Từ khoảng 08 giờ đến 14 giờ 15 phút, ngày 17/3/2023, tại nhà của Nguyễn Văn H, ở thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Đoàn Quang L, Nguyễn Văn N, Vũ Văn D và Ngô Duy S đã có hành vi đánh bạc, được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “liêng”, bị Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ 01 bộ tú lơ khơ 52 lá bài; tổng số tiền đánh bạc 6.780.000 đồng. Bị cáo L là người khởi xướng; các bị cáo N, D, S đồng phạm thực hành; bị cáo H không đánh bạc nhưng sử dụng chỗ ở thuộc quyền sở hữu chứa chấp việc đánh bạc và thu tiền hò 80.000 đồng nên đồng phạm đánh bạc.

Hành vi của các bị cáo Đoàn Quang L, Nguyễn Văn N, Ngô Duy S, Vũ Văn D và Nguyễn Văn H đã phạm tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321. Tội đánh bạc - Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 N hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 N.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 N đến 07 N:

a) Có tính chất chuyên nghiệp;

b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên;

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ truy tố các bị cáo về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh “liêng” nhằm sát phạt nhau bằng tiền của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến tình hình trị an, gây dư luận không tốt trên địa bàn khu dân cư nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo đều nhận thức rất rõ việc Nhà nước nghiêm cấm đánh bạc trái phép dưới mọi hình thức nhưng vì động cơ tư lợi mà các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo N, H đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; bố đẻ bị cáo D và bị cáo H là người có công với cách mạng nên các bị cáo này được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân:

+ Bị cáo Vũ Văn D có nhân thân xấu, 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc vào các N 2016, 2021;

+ Bị cáo Đoàn Quang L, Nguyễn Văn N, Ngô Duy S, và Nguyễn Văn H đều có nhân thân tốt;

[5] Về đồng phạm: Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có việc phân công; có bị cáo H thu tiền hồ, không ai nhận cầm cố tài sản, cảnh giới, trong đó: Bị cáo Đoàn Quang L là người khởi xướng, trực tiếp tham gia đánh bạc số tiền 4.100.000 đồng xếp vai trò thứ nhất; bị cáo Nguyễn Văn N số tiền đánh bạc 1.200.000 đồng xếp vai trò thứ hai; Vũ Văn D số tiền đánh bạc 700.000 đồng và Ngô Duy S khai số tiền đánh bạc khoảng 700.000 đồng nên cùng xếp vai trò thứ ba; Nguyễn Văn H khai không đánh bạc, nhưng do nể nang và muốn thu lợi bất chính đã đồng ý để các bị cáo đánh bạc tại nhà thuộc quyền sở hữu của mình và được L, D cho số tiền 80.000 đồng là hành vi gá bạc nhưng chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 322 của Bộ luật Hình sự, cần xử lý đồng phạm về tội đánh bạc.

[6] Về hình phạt chính: Đề nghị của ông Kiểm sát viên về mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Đoàn Quang L là người khởi xướng và số tiền nhiều nhất nên phải chịu hình phạt cao nhất, tiếp theo là bị cáo Nguyễn Văn N với số tiền thứ hai là người thực hành tiếp theo là bị cáo S và bị cáo H. Các bị cáo (L, N, S, H) đều có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ (*Người phạm tội thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*) quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (bị cáo H, bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự), có nơi cư trú rõ ràng không cần thiết phải cách ly các bị cáo L, N, S, H khỏi xã hội.

Căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 01/2022/NQHĐTP, ngày 15 tháng 4 N 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cần cho các bị cáo (L, N) được hưởng án treo là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Giao các bị cáo (L, N) cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo trở thành người công dân sống có

ích cho gia đình và xã hội. Việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Căn cứ Điều 36 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với S, H và trừ đi những ngày bị tạm giữ. Theo các tài liệu xác minh và tại phiên tòa các bị cáo S, H thu nhập không ổn định, do vậy không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo S, H. Giao các bị cáo (S, H) cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q để giám sát giáo dục.

Bị cáo D có vai trò thứ ba nhưng có nhân thân xấu đã 02 lần xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Do đó phải cách ly bị cáo D khỏi cuộc sống xã hội trong khoảng thời gian nhất định, áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo Điều 38 của Bộ luật Hình sự, bị cáo D được trừ đi 05 ngày tạm giữ.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền mỗi bị cáo là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với số tiền đánh bạc 6.780.000 đồng thu trên chiếu bạc và trên người các bị cáo là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc và thu lợi bất chính nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy;

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Đoàn Quang L, Nguyễn Văn N, Vũ Văn D, Ngô Duy S có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Văn H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, do đó cần miễn án phí cho bị cáo; Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Quang L, Nguyễn Văn N, Vũ Văn D, Ngô Duy S và Nguyễn Văn H phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo được trừ 05 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 05 tháng 25 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Quang L 11 (mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian

thử thách 22 (hai mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo có 05 ngày tạm giữ từ ngày 17/3/2023 đến ngày 22/3/2023). Giao bị Đoàn Quang L cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo có 03 ngày tạm giữ từ ngày 17/3/2023 đến ngày 20/3/2023). Giao bị Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo (L, N) vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự N 2019. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo (L, N) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo (L, N) phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 36; Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Duy S 01 (một) 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 01 N 05 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nhận được Quyết định thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 36; Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 01 N 08 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nhận được Quyết định thi hành án.

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo S, H. Giao các bị cáo S, H cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Phạt tiền các bị cáo (L, N, D, S H) mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) nộp ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền là 6.780.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*); Tịch thu tiêu huỷ: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng;

(Các vật chứng trên có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 67 ngày 09/6/2023 giữa Công an huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Đoàn Quang L, Nguyễn Văn N, Vũ Văn D, Ngô Duy S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn H;

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Đoàn Quang L, Nguyễn Văn N, Vũ Văn D, Ngô Duy S và Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/7/2023).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình (báo cáo);
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Viện kiểm sát ND huyện Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THAHS huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Bị cáo;
- UBND xã Q;
- UBND xã V, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huy Hoàng